

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

CHƯƠNG TRÌNH ETEP

TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI

---o0o---

**TÌM HIỂU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ**

HÀ NỘI, 10/2019

## MỤC LỤC

BAN BIÊN TẬP, TÁC GIẢ VÀ CỘNG TÁC VIÊN .....	2
KÍ HIỆU VIẾT TẮT .....	3
CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ .....	4
1. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG.....	7
1.1 Bối cảnh đổi mới Chương trình GDPT .....	7
1.2 Tư tưởng chủ đạo của Chương trình GDPT.....	8
1.3 Quan điểm phát triển Chương trình GDPT .....	9
1.4 Cấu trúc Chương trình GDPT .....	10
2. NHỮNG ĐIỂM MỚI.....	13
2.1 Mục tiêu giáo dục.....	13
2.2 Kế hoạch giáo dục.....	21
2.3 Phương pháp giáo dục.....	23
2.4 Đánh giá kết quả giáo dục.....	24
2.5 Giáo dục hướng nghiệp.....	26
2.6 Giáo dục STEM .....	31
3. TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH .....	37
3.1. Thực hiện yêu cầu phát triển năng lực cho học sinh.....	37
3.2. Thực hiện dạy học tích hợp.....	38
3.3. Thực hiện dạy học phân hoá .....	39
3.4. Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày ở cấp tiểu học .....	41
3.5. Thực hiện một chương trình, nhiều sách giáo khoa.....	42
3.6. Động lực đổi mới của giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục.....	44
3.7. Động cơ và phương pháp học tập của học sinh .....	45
3.8. Sự đồng thuận của xã hội.....	45
3.9. Về cơ sở vật chất.....	46
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	47

## BAN BIÊN TẬP, TÁC GIẢ VÀ CỘNG TÁC VIÊN

**Người biên soạn:**

GS.TS NGUYỄN MINH THUYẾT

Tổng chủ biên Chương trình GDPT 2018

**Ban biên tập, cộng tác viên:**

1. PGS.TS Lê Huy Hoàng
2. TS. Nguyễn Thị Thu Anh
3. PGS.TS Nguyễn Văn Biên
4. PGS.TS Nguyễn Vũ Bích Hiền
5. PGS.TS Phan Thị Thanh Hội
6. PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hồng
7. PGS.TS Nguyễn Mạnh Hưởng
8. TS. Nguyễn Nam Phương
9. TS. Lê Xuân Quang
10. TS. Vương Huy Thọ
11. TS. Trần Bá Trình

## KÍ HIỆU VIẾT TẮT

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Nghĩa đầy đủ</b>
CT	Chương trình
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
ĐHSP	Đại học sư phạm
GDPT	Giáo dục phổ thông
HĐGD	Hoạt động giáo dục
PPDH	Phương pháp dạy học
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
GDHN	Giáo dục hướng nghiệp
CTGDPT	CTGDPT
NHD	Người hướng dẫn

## CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

### **Chương trình giáo dục phổ thông**

CTGDPT là toàn bộ phương hướng và kế hoạch GDPT, trong đó nêu rõ mục tiêu GDPT, quy định yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đối với học sinh, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học, chuyên đề học tập và hoạt động trải nghiệm ở mỗi lớp và mỗi cấp học của GDPT.

### **Năng lực**

Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.

### **Phẩm chất**

Trong tiếng Việt, phẩm chất được hiểu là “cái làm nên giá trị của người hay vật”. Tâm lý học phân biệt phẩm chất tâm lý – “những đặc điểm thuộc tính tâm lý, nói lên mặt đức (theo nghĩa rộng) của một nhân cách” với phẩm chất trí tuệ – “những đặc điểm bảo đảm cho hoạt động nhận thức của một người đạt kết quả tốt, bao gồm những phẩm chất của tri giác (óc quan sát), của trí nhớ (nhớ nhanh, chính xác,...), của tưởng tượng, tư duy, ngôn ngữ và chú ý. Trí thông minh là hiệu quả tổng hợp của phẩm chất trí tuệ”. Như vậy, đặt trong sự đối sánh với năng lực, khái niệm phẩm chất nêu trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước về đổi mới CT, SGK GDPT có nghĩa là đạo đức. Yêu cầu “phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực” là sự tiếp nối truyền thống xây dựng con người toàn diện có đức có tài, vừa hồng vừa chuyên của dân tộc.

Trong giáo dục cũng như trong đời sống, phẩm chất (đức) được đánh giá bằng hành vi, còn năng lực (tài) được đánh giá bằng hiệu quả của hành động.

### **Môn học**

Môn học là lĩnh vực nội dung dạy học được thực hiện trong nhà trường có cấu trúc và lôgic phù hợp với các ngành khoa học và thực tiễn tương ứng, phù hợp với những quy luật tâm – sinh lý của dạy học.

### **Hoạt động giáo dục**

Trong CTGDPT 2018, hoạt động giáo dục (theo nghĩa rộng) bao gồm hoạt động dạy học và hoạt động trải nghiệm. Việc gọi tên khác cho hoạt động ngoài giờ lên lớp ở CTGDPT 2018 không chỉ là vì nội hàm triết lý của hoạt động đó đã thay đổi mà còn thể hiện một cách tiếp cận mới trong giáo dục nhằm hình thành và phát triển năng lực cho học sinh, đó là dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, từng cá nhân học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của đời sống nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân.

### **Trải nghiệm**

Là quá trình hoạt động để thu nhận những kinh nghiệm, từ đó vận dụng một cách hiệu quả vào thực tiễn cuộc sống.

### **Giáo dục hướng nghiệp**

Giáo dục hướng nghiệp bao gồm toàn bộ các hoạt động của nhà trường phối hợp với gia đình và xã hội nhằm trang bị kiến thức, hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh, từ đó giúp học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, tính cách, sở thích, quan niệm về giá trị của bản thân, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của gia đình và phù hợp với nhu cầu của xã hội. Giáo dục hướng nghiệp có ý nghĩa quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông

### **STEM**

STEM là thuật ngữ viết tắt của các từ Science (Khoa học), Technology (Công nghệ), Engineering (Kỹ thuật) và Mathematics (Toán học); là thuật ngữ rút gọn được sử dụng khi bàn đến các chính sách phát triển về Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học của Mỹ. Thuật ngữ này lần đầu tiên được giới thiệu bởi Quỹ Khoa học Mỹ (NSF) vào năm 2001

### **Giáo dục STEM**

Giáo dục STEM được hiểu là mô hình giáo dục dựa trên cách tiếp cận liên môn, giúp học sinh áp dụng các kiến thức khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong bối cảnh cụ thể.

### **Đánh giá tổng kết**

Đánh giá tổng kết, còn gọi là đánh giá kết quả, là đánh giá có tính tổng hợp, bao quát nhằm cung cấp thông tin về sự tinh thông/thành thạo của học sinh ở các mặt nội dung

kiến thức, kỹ năng và thái độ sau khi kết thúc một khóa/lớp học hoặc một môn học/học phần/chương trình.

### **Đánh giá quá trình**

Là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động giảng dạy môn học/khóa học, cung cấp thông tin phản hồi cho người học biết được mức độ đạt được của bản thân so với mục tiêu giáo dục, qua đó điều chỉnh cách học, cách dạy giúp người học tiến bộ. Đánh giá quá trình còn được biết đến như đánh giá vì sự tiến bộ của người học.

### **Tích hợp**

Là sự hợp nhất/ nhất thể hóa các bộ phận khác nhau để đưa tới một đối tượng mới như là một thể thống nhất dựa trên những nét bản chất của các thành phần đối tượng chứ không phải là phép cộng đơn giản những thuộc tính của đối tượng ấy.

### **Phân hóa**

Chia một khối/ một nhóm thành nhiều phần/ nhiều đối tượng có các tính chất khác biệt nhau để thực hiện những tác động cho phù hợp.

### **Nội dung giáo dục địa phương**

Nội dung giáo dục của địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

### **Kế hoạch giáo dục của nhà trường**

kế hoạch giáo dục của nhà trường là sự cụ thể hóa tiến trình thực hiện CTGDPT (bao gồm nội dung giáo dục của địa phương) phù hợp với điều kiện cụ thể về thời gian, đặc điểm của người học, nhân lực, vật lực,... của nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng hằng năm dựa trên kế hoạch giáo dục chung và các hướng dẫn trong CTGDPT.

## 1. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

### 1.1 Bối cảnh đổi mới Chương trình GDPT

CTGDPT hiện hành được ban hành theo Nghị quyết số 40/2000/QH10 ngày 09/12/2000 của Quốc hội và được triển khai trong toàn quốc từ năm 2002. Chương trình hiện hành là một bước tiến so với các CTGDPT trước đó. Kết quả giáo dục trong gần 20 năm qua nói chung và kết quả những kì thi quốc tế mà học sinh Việt Nam tham gia như các kì thi Olympic Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học cấp trung học phổ thông (THPT), các kì thi học sinh giỏi cấp tiểu học khu vực châu Á và Đông Nam Á và kì sát hạch cuối cấp trung học cơ sở (THCS) theo Chương trình PISA năm 2015 đã chứng tỏ tác động tích cực của chương trình hiện hành trong giáo dục thế hệ trẻ.

Tuy nhiên, đất nước và nhân loại đã bước sang một giai đoạn phát triển mới, đặt ra những yêu cầu mới về phát triển nguồn nhân lực, phát triển con người.

Sau hơn 30 năm đổi mới, đất nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Nước ta đã thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, những thành tựu về kinh tế của nước ta chưa vững chắc, chất lượng nguồn nhân lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao, môi trường văn hóa còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa hội đủ các nhân tố để phát triển nhanh và bền vững.

Cũng trong khoảng thời gian trước và sau khi nước ta tiến hành đổi mới, thế giới đã liên tục chứng kiến những biến đổi sâu sắc về mọi mặt. Các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư nối tiếp nhau ra đời, kinh tế tri thức phát triển mạnh đem lại cơ hội phát triển vượt bậc, đồng thời cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với mỗi quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển và chậm phát triển. Mặt khác, những biến đổi về khí hậu, tình trạng cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái và những biến động về chính trị, xã hội cũng đặt ra những thách thức có tính toàn cầu. Để bảo đảm phát triển bền vững, nhiều quốc gia đã không ngừng đổi mới giáo dục để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trang bị cho các thế hệ tương lai nền tảng văn hóa vững chắc và năng lực thích ứng cao trước mọi biến động của thiên nhiên và xã hội. Đổi mới giáo dục đã trở thành nhu cầu cấp thiết và xu thế mang tính toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI) đã thông qua Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4/1/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Quốc hội đã ban



hành Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Ngày 27/3/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã tổ chức xây dựng và ban hành CTGDPT mới để nâng cao chất lượng giáo dục thế hệ trẻ, đáp ứng những đòi hỏi của thực tế và bắt kịp xu thế chung của nhân loại.

## **1.2 Tư tưởng chủ đạo của Chương trình GDPT**

Tư tưởng chủ đạo của Chương trình được thể hiện đầy đủ trong nội dung Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 4 tháng 1 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nội dung cụ thể như sau:

Xác định mục tiêu giáo dục con người phát triển toàn diện, vừa đáp ứng yêu cầu xã hội vừa phát triển cao nhất tiềm năng của mỗi cá nhân. Phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ thay vì chỉ chú trọng trang bị kiến thức; kết hợp hài hòa dạy người, dạy chữ và dạy nghề.

Đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, cơ bản, hiện đại, tăng thực hành, vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn. Chú trọng giáo dục khoa học xã hội - nhân văn, kỹ năng sống, pháp luật, thể chất, quốc phòng an ninh và hướng nghiệp.

Thiết kế nội dung giáo dục phổ thông theo hướng tích hợp cao các môn học ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên; giảm số môn học bắt buộc; tăng số môn học, chủ đề và hoạt động giáo dục dành cho học sinh tự chọn.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, tập trung dạy cách học, cách nghĩ và tự học, theo phương châm “giảng ít, học nhiều”. Bồi dưỡng ý thức học tập suốt đời. Coi trọng sự phối hợp chặt chẽ giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Ứng dụng các thành tựu khoa học mới về đánh giá giáo dục nhằm cung cấp những cơ sở tin cậy cho việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học và điều chỉnh cách dạy, cách học. Nội dung, hình thức kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục phải chú trọng đánh giá việc hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào việc giải quyết các vấn đề trong học tập và thực tiễn.

Ổn định hệ thống giáo dục phổ thông như hiện nay, thực hiện giáo dục cơ bản, bắt buộc 9 năm, phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; phân hóa và định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông.

### **1.3 Quan điểm phát triển Chương trình GDPT**

#### ***1.3.1. Vai trò của Chương trình GDPT***

CTGDPT là văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để điều chỉnh hành vi của các cơ quan nhà nước, các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, GV, HS và các tổ chức, cá nhân khác trong lĩnh vực GDPT; làm căn cứ để tổ chức công tác giáo dục, quản lý và giám sát chất lượng GDPT.

Mặt khác, CTGDPT cũng là cam kết của Nhà nước bảo đảm các điều kiện thực hiện CT để người học đạt được các yêu cầu về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi quy định trong CT, đúng như yêu cầu được nêu trong Nghị quyết 29 của Trung ương Đảng: “Trên cơ sở mục tiêu đổi mới GDĐT, cần xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, CT, ngành và chuyên ngành đào tạo. Coi đó là cam kết bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở GDĐT; là căn cứ giám sát, đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo.”

#### ***1.3.2. Căn cứ xây dựng Chương trình GDPT***

Căn cứ chính trị và pháp lí: quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT thể hiện;

Căn cứ thực tiễn: nhu cầu phát triển của đất nước; kinh nghiệm xây dựng và thực hiện các CTGDPT đã có của Việt Nam; quyền của thanh niên, thiếu niên và nhi đồng;

Căn cứ lí luận: những tiến bộ của thời đại về khoa học – công nghệ và xã hội; đặc điểm con người, văn hoá Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị chung của nhân loại; thành tựu nghiên cứu về khoa học giáo dục và kinh nghiệm xây dựng CT theo mô hình phát triển năng lực của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

#### ***1.3.3. Định hướng của Chương trình GDPT***

Mục tiêu giáo dục: bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học;

Nội dung giáo dục: giáo dục những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; tích hợp cao ở các lớp học dưới, phân hoá dần ở các lớp học trên;

Phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục: áp dụng các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi học sinh, các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và phương pháp giáo dục để đạt được mục tiêu đó.

#### ***1.3.4. Tính hệ thống của Chương trình GDPT***

CTGDPT bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các lớp học, cấp học với nhau;

CTGDPT bảo đảm liên thông với chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục nghề nghiệp và chương trình giáo dục đại học.

#### ***1.3.5. Tính mở của Chương trình GDPT***

CT bảo đảm định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương và nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục, góp phần bảo đảm kết nối hoạt động của nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội.

CT chỉ quy định những nguyên tắc, định hướng chung về yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, không quy định quá chi tiết, để tạo điều kiện cho tác giả SGK và giáo viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện CT.

CT bảo đảm tính ổn định và khả năng phát triển trong quá trình thực hiện cho phù hợp với tiến bộ khoa học - công nghệ và yêu cầu của thực tế.

### **1.4 Cấu trúc Chương trình GDPT**

#### ***2.1.1. Chương trình quốc gia***

CTGDPT ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018 được coi là Chương trình quốc gia. Bên cạnh đó, còn có nội dung giáo dục địa phương và chi tiết hơn là kế hoạch giáo dục nhà trường. Chương trình quốc gia bao gồm Chương trình tổng thể và Chương trình các môn học, hoạt động giáo dục.

Chương trình tổng thể là văn bản quy định những vấn đề chung nhất, có tính chất định hướng của CTGDPT, bao gồm: quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu CTGDPT và mục tiêu chương trình từng cấp học, yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh cuối mỗi cấp học, hệ thống môn học và hoạt động giáo dục, thời lượng của từng môn học và hoạt động giáo dục, định hướng nội dung giáo dục

bắt buộc ở từng cấp học đối với tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc, định hướng về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục, điều kiện thực hiện CTGDPT. Chương trình tổng thể là cơ sở để biên soạn Chương trình môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất về tư tưởng đổi mới, về mục tiêu và nội dung giáo dục, về phương pháp dạy học và đánh giá giáo dục, về cấu trúc và phương pháp xây dựng chương trình môn học.

Chương trình môn học là văn bản xác định vị trí, vai trò môn học và hoạt động giáo dục trong thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, mục tiêu và yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục cốt lõi của môn học và hoạt động giáo dục ở mỗi lớp học hoặc cấp học đối với tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc, định hướng kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục ở mỗi lớp và mỗi cấp học, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục của môn học và hoạt động giáo dục. Chương trình môn học là cơ sở để biên soạn sách giáo khoa, tài liệu học tập cho môn học. Cùng với Chương trình tổng thể, Chương trình môn học còn là căn cứ để biên soạn nội dung giáo dục địa phương và xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

Về định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho người học, Chương trình môn học cụ thể hóa năng lực đặc thù tương ứng đã nêu trong Chương trình tổng thể dưới dạng khung năng lực môn học. Đây là một trong những cơ sở để lựa chọn nội dung giáo dục, biên soạn các yêu cầu cần đạt cho các nội dung cụ thể ở từng lớp trong Chương trình môn học. Bên cạnh đó, Chương trình môn học cần xác định cơ hội góp phần và phương pháp hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và năng lực chung cốt lõi (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo).

CTGDPT 2018 có 20 chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Trừ môn ngoại ngữ có nhiều chương trình, 19 chương trình môn học, hoạt động giáo dục gồm: ngữ văn, toán, giáo dục công dân, tự nhiên và xã hội, lịch sử và địa lí Tiểu học, lịch sử và địa lí THCS, lịch sử, địa lí, khoa học, khoa học tự nhiên, vật lí, hóa học, sinh học, công nghệ, tin học, âm nhạc, mỹ thuật, giáo dục thể chất, hoạt động trải nghiệm.

### ***2.1.2. Nội dung giáo dục địa phương và kế hoạch giáo dục nhà trường***

Căn cứ quy định của Nghị quyết số 88, CTGDPT mới quy định: “Nội dung giáo dục của địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những

điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương”. Căn cứ CTGDPT, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, thẩm định, chỉnh sửa tài liệu về nội dung giáo dục của địa phương; chỉ đạo việc tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu về nội dung giáo dục của địa phương theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và báo cáo để Bộ GDĐT phê duyệt.”.

Ở cấp tiểu học, nội dung giáo dục của địa phương được tích hợp với Hoạt động trải nghiệm. Ở cấp THCS và cấp THPT, nội dung giáo dục của địa phương có thời lượng 35 tiết/năm học, tổng thời lượng trong cả 7 năm học là 245 tiết.

Căn cứ nhu cầu thực tế, mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp. Ví dụ, Hà Nội có thể xây dựng các bài học về văn hóa người Tràng An, văn hóa và pháp luật về giao thông, trật tự vệ sinh đô thị,... Thành phố Hồ Chí Minh có thể xây dựng các bài học về thành phố thông minh, văn hóa của công dân thành phố thông minh,... Các tỉnh Tây Nguyên có thể xây dựng các bài học về văn hóa các dân tộc thiểu số, kinh tế cây công nghiệp,... Các tỉnh Việt Bắc có thể xây dựng các bài học về văn hóa các dân tộc thiểu số, bảo vệ chủ quyền quốc gia và xây dựng biên giới hữu nghị, an toàn v.v...

Về quyền chủ động của địa phương và nhà trường, CTGDPT mới quy định: “Chương trình bảo đảm định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương và nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục, góp phần bảo đảm kết nối hoạt động của nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội.”

Lần đầu tiên, CTGDPT của nước ta chỉ quy định thời lượng dạy học mỗi môn học trong năm học, không quy định thời lượng đến từng tuần, để các trường chủ động xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp.

Đối với cấp tiểu học là cấp học thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, Bộ GDĐT sẽ có văn bản hướng dẫn đối với những trường chưa có điều kiện dạy học 2 buổi/ngày. Đối với cấp THPT là cấp học có nhiều môn học lựa chọn, chương trình quy định: “Các trường có thể xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường.”

Như vậy, có thể hiểu kế hoạch giáo dục của nhà trường là sự cụ thể hóa tiến trình thực hiện CTGDPT (bao gồm nội dung giáo dục của địa phương) phù hợp với điều kiện cụ thể về thời gian, đặc điểm của người học, nhân lực, vật lực,... của nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng hằng năm dựa trên kế hoạch giáo dục chung và các hướng dẫn trong CTGDPT.

## 2. NHỮNG ĐIỂM MỚI

### 2.1 Mục tiêu giáo dục

#### 2.1.1 Định hướng chung

Các văn kiện của Đảng và Nhà nước về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (CT, SGK GDPT)<sup>1</sup> đều xác định yêu cầu đổi mới CT GDPT theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Nghị quyết số 88 của Quốc hội khẳng định: “Đổi mới CT, SGK GDPT nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả GDPT; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi học sinh”.

#### 2.1.2 Phẩm chất và CT giáo dục phát triển phẩm chất

##### a) Khái niệm phẩm chất

Trong tiếng Việt, phẩm chất được hiểu là “cái làm nên giá trị của người hay vật”. Tâm lí học phân biệt phẩm chất tâm lí – “những đặc điểm thuộc tính tâm lí, nói lên mặt đức (theo nghĩa rộng) của một nhân cách” với phẩm chất trí tuệ – “những đặc điểm bảo đảm cho hoạt động nhận thức của một người đạt kết quả tốt, bao gồm những phẩm chất của tri giác (óc quan sát), của trí nhớ (nhớ nhanh, chính xác,...), của tưởng tượng, tư duy, ngôn ngữ và chú ý. Trí thông minh là hiệu quả tổng hợp của phẩm chất trí tuệ”<sup>2</sup>. Như vậy, đặt trong sự đối sánh với năng lực, khái niệm phẩm chất nêu trong các văn kiện của Đảng

---

<sup>1</sup> Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới CT, SGK GDPT và Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới CT, SGK GDPT.

<sup>2</sup> Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam, tập 3*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2003, trang 427

và Nhà nước về đổi mới CT, SGK GDPT có nghĩa là đạo đức (phẩm chất tâm lí). Trong giáo dục cũng như trong đời sống, phẩm chất (đức) được đánh giá bằng hành vi, còn năng lực (tài) được đánh giá bằng hiệu quả của hoạt động.

*b) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất trong CT GDPT 2018 và căn cứ xác định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất của người học*

CT GDPT các nước phương Tây thường không quy định chuẩn về phẩm chất của học sinh, mặc dù rất đề cao và chú trọng giáo dục các giá trị tinh thần. Lí do là CT chỉ quy định những chuẩn có thể đo lường được.

Trong khi đó, hầu hết CT GDPT các nước châu Á đều quy định những phẩm chất mà học sinh cần đạt.

CT GDPT của Singapore tập trung vào 6 giá trị: tôn trọng, trách nhiệm, chính trực, chu đáo, kiên cường, hòa đồng.

CT của Thái Lan hướng đến 7 giá trị truyền thống và 7 giá trị hiện đại:

- Các giá trị truyền thống gồm: (i) Thân ái, chăm sóc, chia sẻ; (ii) Bình tâm; (iii) Nhã nhặn, lịch sự; (iv) Giản dị; (v) Yêu hòa bình và hài hòa; (vi) Yêu gia đình; (vii) Yêu nước.
- Các giá trị hiện đại gồm: (i) Tự trọng, tự tin; (ii) Tôn trọng nhân phẩm, nhân quyền; (iii) Khoan dung; (iv) Công lí và công bằng; (v) Trách nhiệm; (vi) Hài hòa giữa tinh thần dân tộc và quốc tế; (vii) Yêu và bảo vệ thiên nhiên

CT của Hàn Quốc tập trung vào 4 giá trị: trung thực, quan tâm, chính nghĩa, trách nhiệm.

CT của Nhật Bản xác định nhiệm vụ giáo dục đạo đức nhằm 6 mục tiêu và 3 trọng điểm:

- Sáu mục tiêu là: (i) Tôn trọng nhân phẩm, lòng yêu quý cuộc sống; (ii) Kế thừa, phát triển văn hoá truyền thống và sáng tạo văn hoá giàu tính cá nhân; (iii) Nỗ lực hình thành, phát triển một xã hội và đất nước dân chủ; (iv) Có đóng góp cho sự phát triển một thế giới hòa bình; (v) Có thể tự quyết định một cách độc lập; (vi) Có ý thức đạo đức: kỷ luật, tự kiểm chế, tinh thần tập thể.
- Ba trọng điểm là: (i) Sự tôn trọng cuộc sống; (ii) Quan hệ cá nhân và cộng đồng; (iii) Ý thức về trật tự dục.

Các phẩm chất đạo đức trong CT GDPT Nhật Bản gồm 4 nhóm:

- Liên quan đến bản thân: đúng mực, chuyên cần, dũng cảm, chân thành, coi trọng tự do và hành động có kỷ luật, tự hoàn thiện, yêu chuộng sự thật.
- Liên quan đến người khác: lịch sự, quan tâm, hiểu biết và tin tưởng, giúp đỡ, biết ơn và kính trọng, khiêm tốn.
- Liên quan đến nhóm và xã hội: nghĩa vụ cộng đồng, công bằng, trách nhiệm, siêng năng, kính trọng, đóng góp, tôn trọng các thành viên, truyền thống, các nền văn hoá khác và yêu nước;
- Liên quan với tự nhiên và siêu nhiên: tôn trọng tự nhiên, tôn trọng cuộc sống, nhạy cảm, thẩm mỹ, cao thượng.

CT GDPT 2018 đã tham khảo những kinh nghiệm nói trên, xác định mục tiêu hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu sau: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Căn cứ để xác định các phẩm chất chủ yếu nói trên là những phẩm chất của con người Việt Nam được nêu trong các văn kiện của Đảng về xây dựng văn hoá, con người Việt Nam (cụ thể là Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước).

Nghị quyết số 03 (thường gọi là Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII) xác định 5 nhóm phẩm chất của con người Việt Nam như sau: a) Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và CNXH, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; b) Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung; c) Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; d) Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội; e) Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực. Năm nhóm phẩm chất này của thế hệ trẻ Việt Nam được hình thành qua học tập rèn luyện phấn đấu từ tuổi thơ được kế thừa theo 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng cần được đẩy mạnh trong giai đoạn phát triển mới của giáo dục nước ta.

Từ 5 nhóm nói trên, sau khi gộp một số đặc tính trùng nhau hoặc gần nhau (*cần kiệm, chăm chỉ và thường xuyên học tập, rèn luyện; đoàn kết và nhân nghĩa*) vào một từ



khoá và chuyên *sáng tạo* sang phạm trù năng lực, có thể rút ra 5 phẩm chất như sau: *yêu nước, nhân nghĩa, cần kiệm, trung thực, kỷ cương*.

Nghị quyết số 33 khoá XI nêu ra 7 đặc tính của con người Việt Nam: *yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo*. Sau khi gộp một số đặc tính trùng nhau hoặc gần nhau (*nhân ái, nghĩa tình, đoàn kết*) vào một từ khoá và chuyên *sáng tạo* sang phạm trù năng lực, có thể rút ra 4 phẩm chất như sau: *yêu nước, nhân ái, trung thực, cần cù*.

Có thể thấy những phẩm chất chủ yếu cần hình thành, phát triển cho học sinh nêu trong dự thảo CT GDPT 2018 (*yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*) phù hợp với yêu cầu xây dựng con người Việt Nam trong hai nghị quyết của BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

### c) CT giáo dục phát triển phẩm chất của người học

Trong Chương trình GDPT 2018, phẩm chất của người học được hình thành và phát triển bằng hai con đường:

- Thông qua nội dung kiến thức của một số môn học. Ví dụ, tinh thần yêu nước có thể được hun đúc thông qua nội dung của các môn Lịch sử, Giáo dục công dân, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Hoạt động trải nghiệm và một số nội dung của các môn Ngữ văn, Địa lí, Sinh học,... Phần lớn các môn học này cũng bồi dưỡng cho học sinh lòng nhân ái, khoan dung, ý thức tôn trọng các nền văn hoá khác nhau, tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.
- Thông qua phương pháp giáo dục. Ví dụ, tính chăm chỉ, thái độ trung thực và tinh thần trách nhiệm từng bước được hình thành và phát triển thông qua lao động học tập hằng ngày dưới sự hướng dẫn, rèn luyện của thầy cô. Tinh thần yêu nước và lòng nhân ái cũng chỉ có thể hình thành và phát triển bền vững thông qua các hoạt động thực tế.

## 2.1.3 Năng lực và CT giáo dục phát triển năng lực

### a) Khái niệm năng lực

Các nhà giáo dục học nêu ra nhiều định nghĩa khác nhau về năng lực (competency).

- Năng lực là “khả năng đáp ứng một cách hiệu quả những yêu cầu phức hợp trong một bối cảnh cụ thể.”<sup>3</sup>. Định nghĩa này nêu được đặc trưng quan trọng nhất để nhận diện năng lực là “hiệu quả”, nhưng chưa làm rõ được cấu trúc và “địa chỉ” tồn tại của năng lực.
- Năng lực là “tổng hợp các khả năng và kỹ năng sẵn có hoặc học được cũng như sự sẵn sàng của HS nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh và hành động một cách có trách nhiệm, có sự phê phán để đi đến giải pháp.”<sup>4</sup> Đóng góp của định nghĩa này là nêu lên các đặc điểm về tính tổng hợp, các yếu tố “sẵn có” ở mỗi cá nhân và thái độ của mỗi người trong khái niệm “năng lực”.
- Năng lực là “khả năng hành động, thành công và tiến bộ dựa vào việc huy động và sử dụng hiệu quả tổng hợp các nguồn lực để đối mặt với các tình huống trong cuộc sống.”<sup>5</sup>.

Cụ thể hoá thêm một bước, CT Giáo dục Trung học bang Québec, Canada năm 2004 nói rõ là trong các nguồn lực được huy động có cả nguồn lực của cá nhân HS lẫn sự trợ giúp từ những nguồn khác: “Năng lực có thể định nghĩa như là một khả năng hành động hiệu quả bằng sự cố gắng dựa trên nhiều nguồn lực. Những nguồn lực này được sử dụng một cách phù hợp, bao gồm tất cả những gì học được từ nhà trường cũng như những kinh nghiệm của HS ; những kỹ năng, thái độ và sự hứng thú; ngoài ra còn có những nguồn lực bên ngoài, chẳng hạn như bạn cùng lớp, thầy giáo, cô giáo, các chuyên gia hoặc các nguồn thông tin khác.”<sup>6</sup>. Điểm mới của hai định nghĩa này là gợi ra “địa chỉ” tồn tại của năng lực: hành động của con người.

Các tác giả Việt Nam đã tìm cách nhận diện năng lực và xác định cấu trúc của năng lực phục vụ cho việc xây dựng CT GDPT 2018. Từ các nghiên cứu này, có thể thấy rằng năng lực bộc lộ qua hoạt động và được đánh giá bằng hiệu quả của hoạt động. Đặc trưng

---

<sup>3</sup> OECD, *Definition and Selection of Competencies: Theoretical and Conceptual Foundation*, 2002, p. 12

<sup>4</sup> Weinert F.E, *Vergleichende Leistungsmessung in Schulen – eine umstrittene Selbstverständlichkeit* - *keit*, in Weinert F.E (eds), *Leistungsmessung in Schulen*, Weinheim und Basel, Beltz Verlag, 2001, p. 25 (Bản dịch của Viện Khoa học giáo dục Việt Nam)

<sup>5</sup> Tremblay D. *The Competency-Based Approach: Helping Learners Become Autonomous*, in *Adult Education – A Lifelong Journey*, 2002, p. 5

<sup>6</sup> Dẫn theo Đỗ Ngọc Thống, *Xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực*, trong *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 68, tháng 5-2011, tr. 22

này cung cấp cho ta tiêu chí nhận diện năng lực. Vì mỗi hoạt động (bao giờ cũng có mục đích) có thể được phân giải thành các thành hành vi (không có mục đích riêng) nên năng lực sẽ được đánh giá qua các hành vi đó. Có thể phân giải cấu trúc của năng lực thành: các hợp phần (components of competency), các chỉ số hành vi (behavioral indicator) và đánh giá mức độ thuận thực của các hành vi này bằng tiêu chí chất lượng (quality criteria).

Dựa vào những kết quả nghiên cứu nói trên, CT GDPT tổng thể giải thích khái niệm năng lực như sau: “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.”

Từ định nghĩa này, có thể rút ra những đặc điểm chính của năng lực là:

- Năng lực là sự kết hợp giữa tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện của người học;
- Năng lực là kết quả huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,...
- Năng lực được hình thành, phát triển thông qua hoạt động và thể hiện ở sự thành công trong hoạt động thực tiễn.

*b) Yêu cầu cần đạt về năng lực và căn cứ xác định yêu cầu cần đạt về năng lực của người học*

CT GDPT 2018 hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi sau: (i) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và HĐGD: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; (ii) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và HĐGD nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

Bên cạnh việc hình thành, phát triển các năng lực cốt lõi, CT GDPT còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng năng lực đặc biệt (năng khiếu) của HS. Căn cứ để xác định các năng lực cốt lõi trong CT GDPT 2018 là CT GDPT của một số nước phát triển và một số tài liệu

giáo dục của các tổ chức quốc tế<sup>7</sup>,

Tài liệu của OECD đưa ra 3 nhóm năng lực cốt lõi là: (i) Sử dụng có tính tương tác các phương tiện thông tin và công cụ, bao gồm: khả năng sử dụng tương tác ngôn ngữ, kí hiệu và văn bản; khả năng sử dụng tương tác tri thức và thông tin; khả năng sử dụng tương tác các công nghệ; (ii) Tương tác trong các nhóm không đồng nhất, bao gồm: Khả năng duy trì các mối quan hệ tốt với những người khác; khả năng hợp tác; khả năng giải quyết các xung đột; (iii) Khả năng hành động tự chủ, bao gồm: khả năng hành động trong các nhóm phức hợp; khả năng tổ chức và thực hiện các kế hoạch về cuộc sống và dự án cá nhân; khả năng nhận thức các quyền, lợi ích, giới hạn và nhu cầu cá nhân.

Đây là những năng lực chung mà tất cả các môn học và HĐGD đều cần và có thể hình thành, phát triển ở học sinh. Dựa vào bản chất của các nhóm năng lực này, CT GDPT Việt Nam đã đặt lại tên và thay đổi vị trí sắp xếp các năng lực cho phù hợp với quan niệm truyền thống: năng lực Tự chủ và tự học (năng lực thể hiện trong quan hệ với bản thân), năng lực Giao tiếp và hợp tác (năng lực thể hiện trong quan hệ với người khác), năng lực Giải quyết vấn đề và sáng tạo (năng lực thể hiện trong quan hệ với công việc),

Tài liệu của EU đưa ra 8 năng lực cốt lõi: (i) Giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ; (ii) Giao tiếp bằng tiếng nước ngoài; (iii) Năng lực toán học và năng lực trong khoa học tự nhiên và công nghệ; (iv) Năng lực kĩ thuật số; (v) Năng lực học tập (học cách học); (vi) Năng lực xã hội và công dân; (vii) Sáng kiến và tinh thần kinh doanh; (viii) Ý thức văn hoá và khả năng biểu đạt văn hoá.

EU đưa ra những năng lực này để xác định các lĩnh vực giáo dục và căn cứ đánh giá kết quả giáo dục. Đây là những năng lực chuyên môn, mỗi năng lực gắn với một số môn học và HĐGD nhất định.

Tài liệu của WEF đưa ra 3 nhóm kĩ năng (Skills) của thế kỷ 21 là: (i) Học vấn nền tảng (Foundational Literacies), bao gồm: học vấn nền tảng về đọc viết, học vấn nền tảng về tính toán, học vấn nền tảng về khoa học, học vấn nền tảng về công nghệ thông tin, học vấn nền tảng về tài chính, văn hoá nền tảng về công dân và xã hội; (ii) Năng lực (Competencies), bao gồm: tư duy phản biện/giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác; (iii) Phẩm chất (Character Qualities), bao gồm: ham tìm hiểu, sáng kiến, kiên trì/dũng cảm, ứng dụng, lãnh đạo, hiểu biết về xã hội và văn hoá.

---

<sup>7</sup> Chủ yếu là ba tài liệu sau: OECD, *The Definition and Selection of Key Competencies: Executive Summary*, 2005; EU, *Key Competencies for Lifelong Learning – A European Reference Framework*, 2006; WEF, *New Vision for Education: Unlocking the Potential of Technology*, 2015

Tóm lại, có thể thấy 3 năng lực chung và 7 năng lực chuyên môn mà CT GDPT 2018 của Việt Nam nêu ra về cơ bản phù hợp với quan niệm và danh sách các năng lực cốt lõi được xác định trong các tài liệu đã dẫn của OECD, EU và WEF.

*c) CT giáo dục phát triển năng lực của người học*

Để phát triển năng lực của người học, CT GDPT 2018 đã vận dụng kinh nghiệm xây dựng CT GDPT của các nước có nền giáo dục tiên tiến, đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục theo hướng sau đây:

– Dạy học phân hoá:

Trong giai đoạn giáo dục cơ bản, CT GDPT 2018 một mặt thực hiện giáo dục toàn diện và tích hợp, mặt khác, thiết kế một số môn học và hoạt động giáo dục (HĐGD) theo các chủ đề, tạo điều kiện cho học sinh lựa chọn những chủ đề phù hợp với sở thích và sở trường của bản thân. Trong giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, bên cạnh một số môn học và HĐGD bắt buộc, học sinh được lựa chọn những môn học, chủ đề và chuyên đề học tập phù hợp với sở thích và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

– Dạy học tích hợp:

Dạy học tích hợp là định hướng dạy học huy động, kết hợp, liên hệ các yếu tố có liên quan với nhau của nhiều lĩnh vực, nhiều ngành khoa học để giải quyết có hiệu quả các vấn đề thực tiễn, trong đó mức độ cao nhất là hình thành các môn học tích hợp.

Dạy học tích hợp là xu thế chung của CT GDPT các nước. Ở Việt Nam, dạy học tích hợp đã được thực hiện trong CT hiện hành. So với CT hiện hành, chủ trương dạy học tích hợp trong CT GDPT 2018 có một số điểm khác như: tăng cường tích hợp nhiều nội dung trong cùng một môn học, xây dựng một số môn học tích hợp mới ở cấp THCS theo tinh thần chung là tích hợp mạnh ở các lớp học dưới và phân hoá dần ở các lớp học trên; yêu cầu tích hợp được thể hiện cả trong mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục.

Ở cấp tiểu học, CT GDPT 2018 tiếp tục xây dựng một số môn học có tính tích hợp trên cơ sở phát triển các môn học tích hợp đã có như: Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lí, Khoa học.

Ở cấp trung học cơ sở, CT GDPT 2018 xây dựng hai môn học mới có tính tích hợp là: (i) Khoa học tự nhiên (được hình thành chủ yếu từ các khoa học Vật lí, Hoá học, Sinh học và Khoa học Trái Đất); (ii) Lịch sử và Địa lí (được hình thành chủ yếu từ các khoa học Lịch sử, Địa lí).

Ở cả ba cấp học còn có một hoạt động giáo dục tích hợp là Hoạt động trải nghiệm (ở cấp tiểu học) và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông).

- Dạy học thông qua hoạt động tích cực của người học:

Đặc điểm chung của các phương pháp giáo dục được áp dụng trong CT GDPT 2018 là tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển. Các hoạt động học tập của học sinh bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống) được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu như học lí thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia seminar, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. Tùy theo mục tiêu cụ thể và tính chất của hoạt động, học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Tuy nhiên, dù làm việc độc lập, theo nhóm hay theo đơn vị lớp, mỗi học sinh đều phải được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

## **2.2 Kế hoạch giáo dục**

### **2.2.1 Cấp tiểu học**

#### *a) Các môn học và hoạt động giáo dục*

- Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Tiếng Việt; Toán; Đạo đức; Ngoại ngữ 1 (ở lớp 3, lớp 4, lớp 5); Tự nhiên và xã hội (ở lớp 1, lớp 2, lớp 3); Lịch sử và Địa lí (ở lớp 4, lớp 5); Khoa học (ở lớp 4, lớp 5); Tin học và Công nghệ (ở lớp 3, lớp 4, lớp 5); Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Hoạt động trải nghiệm (trong đó có nội dung giáo dục của địa phương).

Nội dung môn học Giáo dục thể chất được thiết kế thành các học phần (mô đun); nội dung Hoạt động trải nghiệm được thiết kế thành các chủ đề; học sinh được lựa chọn học phần, chủ đề phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

- Các môn học tự chọn (dạy ở những nơi có đủ điều kiện dạy học và phụ huynh học sinh có nguyện vọng): Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 1 (dạy ở lớp 1, lớp 2).

*b) Thời lượng giáo dục*

Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học. Cơ sở giáo dục chỉ có điều kiện tổ chức dạy học 6 buổi/tuần không bố trí dạy học các môn học tự chọn. Cơ sở giáo dục chỉ có điều kiện tổ chức dạy học 5 buổi/tuần thực hiện kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

**2.2.2 Cấp trung học cơ sở**

*a) Nội dung giáo dục*

- Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lí; Khoa học tự nhiên; Công nghệ; Tin học; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật; Hoạt động trải nghiệm; Nội dung giáo dục của địa phương.

Mỗi môn học Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất được thiết kế thành các học phần; Hoạt động trải nghiệm được thiết kế thành các chủ đề; học sinh được lựa chọn học phần, chủ đề phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc đều tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp; ở lớp 8 và lớp 9, các môn học Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm và Nội dung giáo dục của địa phương có chủ đề về nội dung giáo dục hướng nghiệp.

- Các môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

*b) Thời lượng giáo dục*

Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học.

Khuyến khích các trường trung học cơ sở đủ điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

**2.2.3 Cấp trung học phổ thông**

*a) Nội dung giáo dục*

- Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hoạt động trải nghiệm; Nội dung giáo dục của địa phương.

Môn Giáo dục thể chất được thiết kế thành các học phần; Hoạt động trải nghiệm được thiết kế thành các chủ đề; học sinh được lựa chọn học phần, chủ đề phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

- Các môn học được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp:

+ Nhóm môn Khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

+ Nhóm môn Khoa học tự nhiên: Vật lí, Hoá học, Sinh học.

+ Nhóm môn Công nghệ và Nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật. Nội dung mỗi môn học thuộc nhóm này được thiết kế thành các học phần, học sinh được lựa chọn học phần phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Học sinh chọn 5 môn học từ 3 nhóm môn học trên, mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn.

- Các chuyên đề học tập: Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học giúp học sinh tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập từ 10 đến 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn là 35 tiết. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và điều kiện tổ chức của nhà trường.

Các trường có thể xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường. Học sinh có thể đăng kí học ở một cơ sở giáo dục khác những môn học và chuyên đề học tập mà trường học sinh đang theo học không có điều kiện tổ chức dạy.

- Các môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

### *c) Thời lượng giáo dục*

Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học.

Khuyến khích các trường trung học phổ thông đủ điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

## **2.3 Phương pháp giáo dục**

Các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.



Các hoạt động học tập của học sinh bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học tối thiểu, chú trọng khai thác công cụ tin học và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia xêmina, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tùy theo mục tiêu cụ thể và tính chất của hoạt động, học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Tuy nhiên, dù làm việc độc lập, theo nhóm hay theo đơn vị lớp, mỗi học sinh đều phải được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Dạy học phát triển năng lực chú trọng vào hành động, trải nghiệm; tăng cường thí nghiệm và thực hành; đa dạng hóa các hình thức dạy học, kết nối kiến thức học đường với thực tiễn đời sống; phát huy tối đa lợi thế trong vai trò hình thành và phát triển năng lực của một số phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực. Biểu hiện cụ thể cho định hướng về phương pháp cho dạy học phát triển năng lực là dạy học phân hóa, dạy học tích hợp, và dạy học thông qua hoạt động.

Mỗi bài học, hoạt động giáo dục đều góp phần hình thành và phát triển năng lực (đôi khi chỉ là thành tố, hoặc một yêu cầu cần đạt cụ thể của năng lực). Vai trò này cần được thể hiện tường minh trong mục tiêu của bài học, hoạt động giáo dục. Khi đó, mỗi hoạt động dạy học phải thể hiện rõ ràng vai trò phát triển năng lực đã nêu trong mục tiêu của bài học, hoạt động giáo dục.

Năng lực được hình thành và phát triển theo thời gian, đạt được từng cấp độ từ thấp đến cao. Để hình thành và phát triển năng lực, trước hết phải nhận thức đầy đủ về năng lực cần hình thành và phát triển. Trên cơ sở đó, hành động và trải nghiệm trong các bối cảnh đòi hỏi phải thể hiện năng lực hay thành tố của năng lực tương ứng. Sự khác biệt về năng lực của người học chỉ có thể bộc lộ rõ ràng sau mỗi giai đoạn học tập nhất định.

## **2.4 Đánh giá kết quả giáo dục**

CT GDPT 2018 xác định mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học,

quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì ở cơ sở giáo dục, các kì đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương và các kì đánh giá quốc tế.

Việc đánh giá thường xuyên do giáo viên phụ trách môn học tổ chức, dựa trên kết quả đánh giá của giáo viên, của phụ huynh học sinh, của bản thân học sinh được đánh giá và của các học sinh khác trong tổ, trong lớp. Việc đánh giá định kì do cơ sở giáo dục tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ công tác phát triển CT. Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ công tác phát triển CT và nâng cao chất lượng giáo dục.

CT GDPT tổng thể nêu rõ: “Bộ GDĐT sẽ nghiên cứu từng bước áp dụng các thành tựu của khoa học đo lường, đánh giá trong giáo dục và kinh nghiệm quốc tế vào việc nâng cao chất lượng đánh giá kết quả giáo dục, xếp loại học sinh ở cơ sở giáo dục và sử dụng kết quả đánh giá trên diện rộng làm công cụ kiểm soát chất lượng đánh giá ở cơ sở giáo dục, hỗ trợ mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học của CT GDPT mới.”.

Đánh giá năng lực được thực hiện thông qua đánh giá các hành vi của năng lực trong các bối cảnh cụ thể. Việc đánh giá các hành vi của năng lực có thể được thực hiện theo tiến trình:

- Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện hành động thể hiện các hành vi thuộc năng lực cần đánh giá.

(1) Thiết kế đề kiểm tra cuối chương của chương trình môn học nhằm đo lường việc đạt chuẩn đầu ra của môn học. Chú trọng kĩ thuật thiết kế câu hỏi tự luận, câu hỏi mở và hướng dẫn chấm điểm (Rubric);

(2) Xây dựng các bài tập, nhiệm vụ và tiêu chí cho các đánh giá như:

– Báo cáo khoa học, báo cáo thực hành, biểu đồ, biểu bảng theo chủ đề, băng ghi hoạt động ngoại khoá,...;

- Các dự án, nhiệm vụ học tập;
- Mô hình thí nghiệm, phỏng vấn, xemina, sinh hoạt câu lạc bộ, thảo luận nhóm, diễn đàn khoa học,...

(3) Thiết lập mẫu biểu quan sát trên lớp với kỹ thuật lựa chọn những hoạt động, kỹ năng, những cá nhân hoặc nhóm cần phải quan sát ở một giờ học cụ thể.

(4) Thiết lập mẫu tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, bản tường trình sự kiện, nhật ký học tập,...

- Bước 2: Thu thập các minh chứng về hành vi cần đánh giá. Tùy theo các hành vi khác nhau mà ta sẽ sử dụng các công cụ khác nhau để thu thập minh chứng về các hành vi này. Đó có thể là phiếu học tập, hồ sơ dự án, sản phẩm dự án hoặc thông qua quan sát trực tiếp,...

- Bước 3: Đánh giá các thông tin thu được thông qua so sánh các minh chứng với các tiêu chí chất lượng của hành vi đã mô tả trong cấu trúc năng lực. Ví dụ quen thuộc nhất của việc này đó là đối chiếu bài làm của học sinh với đáp án của giáo viên. Với các hành vi phức tạp hơn như thuyết trình, làm thí nghiệm,... cần sử dụng bảng đánh giá theo tiêu chí (Rubric) để hỗ trợ quá trình so sánh này nhằm đảm bảo tính khách quan trong đánh giá.

## **2.5 Giáo dục hướng nghiệp**

### **2.5.1 Định hướng chung**

Giáo dục hướng nghiệp ở phổ thông bao gồm toàn bộ các hoạt động của nhà trường phối hợp với gia đình và xã hội nhằm trang bị kiến thức, hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh, từ đó giúp học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, tính cách, sở thích, quan niệm về giá trị của bản thân, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của gia đình và phù hợp với nhu cầu của xã hội. Giáo dục hướng nghiệp có ý nghĩa quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở cũng như sau trung học phổ thông.

Giáo dục hướng nghiệp trong Chương trình GDPT 2018 được xây dựng trên cơ sở kế thừa ưu điểm của hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong Chương trình GDPT hiện hành; bám sát nội dung Đề án “giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 – 2025”, ban hành theo Quyết định 522/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong Chương trình GDPT 2018, giáo dục phổ được chia thành hai giai đoạn là giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12). Nội dung giáo dục hướng nghiệp được lồng ghép, tích hợp vào các môn học, hoạt động giáo dục. Trong đó, có ưu thế và thể hiện vai trò rõ ràng về giáo dục hướng nghiệp là các môn học Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật, Giáo dục công dân và Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp. Giáo dục hướng nghiệp trong Chương trình GDPT mới được thực hiện chủ yếu ở các năm học cuối của trung học cơ sở và toàn bộ giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Nội dung giáo dục hướng nghiệp trong Chương trình GDPT mới cũng phản ánh được xu hướng dịch chuyển ngành nghề trước những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thông qua thúc đẩy giáo dục Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học và định hướng nghề nghiệp thuộc các lĩnh vực đó cho học sinh.

Để đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả của các hoạt động giáo dục hướng nghiệp, Chương trình tổng thể xác định rõ năng lực định hướng nghề nghiệp (thành phần của năng lực tự chủ và tự học) cũng như các yêu cầu cần đạt cho năng lực này ở từng cấp học. Trên cơ sở đó, các môn học, hoạt động giáo dục xác định cơ hội và nêu yêu cầu cần đạt cụ thể về giáo dục hướng nghiệp trong môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm, tính chất của môn học để thực hiện thống nhất trong cả nước.

### ***2.5.2 Giáo dục hướng nghiệp trong một số môn học và hoạt động giáo dục***

#### ***+ Giáo dục hướng nghiệp trong môn Công nghệ:***

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, cùng với hoạt động trải nghiệm, Công nghệ là môn học thể hiện vai trò chủ chốt thực hiện giáo dục hướng nghiệp và phân luồng ở trường phổ thông.

Giáo dục công nghệ phổ thông chuẩn bị cho học sinh (1). học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ ở gia đình, nhà trường và xã hội trên cơ sở hình thành và phát triển các năng lực nhận thức, giao tiếp, sử dụng, đánh giá công nghệ và thiết kế kỹ thuật; (2). thúc đẩy giáo dục STEM; (3). tích hợp giáo dục hướng nghiệp; (4). chuẩn bị cho học sinh các tri thức, kỹ năng nền tảng để lựa chọn ngành nghề thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. Những giá trị cốt lõi nêu trên của môn Công nghệ cho thấy, giáo dục hướng nghiệp là một trong những sứ mạng quan trọng của môn Công nghệ.

Giáo dục hướng nghiệp trong môn Công nghệ được thể hiện trước hết qua việc mô tả yêu cầu cần đạt về định hướng nghề nghiệp trong năng lực tìm hiểu công nghệ, năng lực thành phần của năng lực công nghệ.

Biểu hiện cụ thể của giáo dục hướng nghiệp trong môn Công nghệ bao gồm các cấp độ: (1) mạch nội dung về hướng nghiệp; (2) yêu cầu cần đạt về ngành nghề thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; (3) trải nghiệm ngành nghề thông qua các mô đun kỹ thuật, công nghệ tự chọn. Giáo dục hướng nghiệp trong môn Công nghệ được triển khai chủ yếu ở các lớp cuối cấp trung học cơ sở và toàn bộ giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Ở các lớp 7 và 8, giáo dục hướng nghiệp được thể hiện qua các yêu cầu cần đạt về ngành nghề liên quan tới các lĩnh vực nông – lâm nghiệp và thủy sản, kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện, thiết kế kỹ thuật.

Tới lớp 9, giáo dục hướng nghiệp được thực hiện thông qua các nội dung quan trọng về hướng nghiệp bao gồm các tri thức về nghề nghiệp; hệ thống giáo dục quốc dân; thị trường lao động; cơ sở lý thuyết, phương pháp lựa chọn và lập kế hoạch nghề nghiệp. Những nội dung lý thuyết nền tảng này còn giúp triển khai các hoạt động hướng nghiệp trong trường phổ thông nói chung, trong các môn học, hoạt động giáo dục nói riêng đạt hiệu quả cao hơn. Cũng trong lớp 9, học sinh được lựa chọn theo học một mô đun có tính nghề về kỹ thuật, công nghệ thuộc ba lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Qua đó, học sinh được trải nghiệm kỹ thuật, công nghệ gắn với yếu tố nghề nghiệp, hình thành phẩm chất, năng lực tương ứng, đánh giá được mức độ phù hợp, hứng thú của bản thân về các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ tương ứng.

Trong giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, với tinh thần học để chuẩn bị, học để thích ứng với lĩnh vực nghề nghiệp học sinh lựa chọn sau khi tốt nghiệp, môn Công nghệ có vai trò trang bị cho học sinh tri thức nền tảng và các năng lực cốt lõi phù hợp với ngành nghề kỹ thuật, công nghệ các em lựa chọn sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông thuộc một trong hai định hướng Công nghiệp hoặc Nông nghiệp.

Với tư tưởng định hướng nghề nghiệp như trên, môn Công nghệ là môn học được thiết kế dành cho các học sinh có thiên hướng lựa chọn nghề thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

#### *+ Giáo dục hướng nghiệp trong môn Tin học:*

Trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có nhiều ngành nghề và việc làm mới xuất hiện đòi hỏi kiến thức, kỹ năng tin học chuyên sâu. Môn Tin học có cơ hội góp phần giúp học sinh có thể định hướng nghề nghiệp trong tương lai hoặc ra đời khởi nghiệp, lập nghiệp trong lĩnh vực tin học. Do vậy Chương trình môn Tin học rất coi trọng giáo dục hướng nghiệp thể hiện thông qua các cấp độ: (1) chủ đề hướng nghiệp với tin học; (2) tích hợp giáo dục hướng nghiệp qua các chủ đề, chuyên đề học tập; (3) qua các

dự án học tập và tạo sản phẩm số. Với chủ đề hướng nghiệp với tin học, môn Tin học dành thời lượng đáng kể các nội dung giáo dục hướng nghiệp. Với cấp độ 2 và 3, giáo dục hướng nghiệp được thể hiện thông qua giới thiệu cho học sinh một số ngành nghề, nghề nghiệp trong lĩnh vực tin học liên quan tới ứng dụng tin học, mạng máy tính và Internet, một số chủ đề hiện đại của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Ở bậc THPT nội dung giáo dục tin học được tổ chức thành các nhóm chủ đề theo hai định hướng: Tin học ứng dụng và Khoa học máy tính. Tùy theo sở thích và định hướng nghề nghiệp của bản thân, học sinh được lựa chọn một trong hai định hướng trên thông qua việc chọn nhóm chủ đề tương ứng. *Định hướng Tin học ứng dụng* đáp ứng nhu cầu sử dụng máy tính như một công cụ của công nghệ kỹ thuật số trong học tập và làm việc. *Định hướng Khoa học máy tính* đáp ứng mục đích đi sâu vào hệ thống máy tính, chú trọng phát triển tư duy máy tính, khả năng tìm tòi, khám phá, phát triển các phần mềm và dịch vụ trên máy tính.

+ *Giáo dục hướng nghiệp trong môn Giáo dục công dân:*

Giáo dục hướng nghiệp trong môn Giáo dục công dân được thể hiện trong cả yêu cầu cần đạt trong năng lực phát triển bản thân và trong nội dung giáo dục ở trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Cụ thể, yêu cầu cần đạt về giáo dục hướng nghiệp được thể hiện trong môn học như sau: Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau trung học cơ sở với sự tư vấn của thầy giáo, cô giáo và người thân (đối với THCS); Bước đầu biết tạo lập, xây dựng ý tưởng cho một hoạt động kinh doanh nhỏ; lựa chọn được mô hình hoạt động kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân; xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau trung học phổ thông, lựa chọn được các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân (đối với THPT).

Về nội dung, ở cấp trung học cơ sở, các chủ đề liên quan tới giáo dục hướng nghiệp bao gồm tự lập, quản lý và sử dụng tiền, xác định mục tiêu cá nhân, quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, sống có lý tưởng, quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.

Trong giai đoạn giáo dục hướng nghiệp Giáo dục công dân có tên môn là Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học lựa chọn, dành cho những học sinh định hướng theo học các ngành nghề Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Kinh tế, Hành chính và Pháp luật,... hoặc có sự quan tâm, hứng thú đối với môn học. Nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông của học sinh.

*+ Giáo dục hướng nghiệp trong môn Nghệ thuật*

Môn nghệ thuật gồm hai phân môn là Mĩ thuật và Âm nhạc. Trong Chương trình GDPT mới, hai phân môn này có vai trò quan trọng trong giáo dục hướng nghiệp, đặc biệt là định hướng nghề nghiệp có tính chất năng khiếu.

Với môn Mĩ thuật: Ở tiểu học, mạch nội dung Mĩ thuật ứng dụng, chương trình đề cập đến lựa chọn tìm hiểu và thực hành các sản phẩm thủ công, như đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm, đồ gia dụng, đồ trang trí nội thất bằng các loại vật liệu sẵn có trong thực tiễn. Thông qua các nội dung này giúp học sinh làm quen với các nghề thủ công phổ biến ở nhiều địa phương, góp phần đưa giáo dục hướng nghiệp lồng ghép trong tiến trình dạy học. Ở trung học cơ sở, chương trình lớp 8, lớp 9, mỗi lớp đều dành những thời lượng nhất định của chương trình cho nội dung giáo dục hướng nghiệp. Ở trung học phổ thông, nội dung giáo dục mĩ thuật được mở rộng, phát triển kiến thức, kĩ năng mĩ thuật đã hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tiếp cận các nhóm ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và có tính ứng dụng trong thực tiễn; tạo cơ sở cho học sinh được tìm hiểu và có định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân dựa trên nhu cầu thực tế, thích ứng với xã hội. Cụ thể là chương trình được xây dựng gồm nhiều nội dung lựa chọn, các nội dung này gắn với các ngành nghề liên quan đến mĩ thuật và có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, như: Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Lí luận và lịch sử mĩ thuật, Hội họa, Đồ họa... Trong đó, một số nhóm ngành nghề có ưu thế tiếp cận với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ví dụ: Thiết kế công nghiệp, Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện, Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh...

Với môn Âm nhạc: Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, học sinh được tham gia các hoạt động học tập âm nhạc đa dạng và phong phú như hát, đọc nhạc, nghe nhạc, chơi nhạc cụ và thường thức âm nhạc. Bên cạnh việc hình thành và phát triển các năng lực âm nhạc cơ bản, học sinh còn được tạo điều kiện để khám phá, nhận ra sở trường, và phát huy năng khiếu âm nhạc của bản thân; bước đầu có những ý thức về nghề nghiệp. Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp nội dung Âm nhạc bao gồm kiến thức và kĩ năng mở rộng, nâng cao về hát, nhạc cụ, nghe nhạc, đọc nhạc, lí thuyết âm nhạc, thường thức âm nhạc. Những học sinh có sở thích, năng khiếu hoặc định hướng nghề nghiệp liên quan có thể chọn học thêm một số chuyên đề học tập. Nội dung giáo dục âm nhạc giúp học sinh tiếp tục phát triển các kĩ năng thực hành, mở rộng hiểu biết về âm nhạc trong mối tương quan với các yếu tố văn hoá, lịch sử và xã hội, ứng dụng kiến thức vào đời sống, đáp ứng sở thích cá nhân và tiếp cận với những nghề nghiệp liên quan đến âm nhạc.

*+ Giáo dục hướng nghiệp trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:*

Trong chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, năng lực giáo dục hướng nghiệp được cụ thể hóa thành 3 thành phần (1). Hiểu biết về nghề nghiệp; (2). Hiểu biết và rèn luyện phẩm chất liên quan tới nghề nghiệp; (3). Kỹ năng ra quyết định và lập kế hoạch học tập và phát triển nghề nghiệp.

Giáo dục hướng nghiệp được tiến hành qua các hoạt động tìm hiểu, trải nghiệm nghề nghiệp trong thực tiễn thế giới nghề nghiệp. Trong chương trình, hoạt động hướng nghiệp là một trong bốn mạch nội dung hoạt động chính của hoạt động trải nghiệm và được thực hiện trong cả hai giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp.

### ***2.5.3 Triển khai giáo dục hướng nghiệp trong Chương trình GDPT 2018***

Một số hình thức tổ chức giáo dục hướng nghiệp: (i) Hướng nghiệp thông qua các môn văn hóa trong Chương trình GDPT; (ii) Hướng nghiệp thông qua tham quan thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động nói chung, các doanh nghiệp, các nhà máy, các cơ sở sản xuất, cơ quan văn hoá ...; (iii) Tổ chức học tập thông qua các dự án học tập triển khai tại các phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, các cơ quan nghiên cứu, đơn vị sản xuất kinh doanh...

Phương pháp giáo dục hướng nghiệp theo hướng tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân. Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp thực hiện phương châm giáo dục phân hoá, bảo đảm học sinh được tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng.

Trên cơ sở quy định của Chương trình GDPT 2018, các trường sư phạm sẽ bổ sung vào Chương trình đào tạo giáo viên của tất cả các ngành môn học Giáo dục hướng nghiệp để sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là sinh viên ở các môn học có vai trò quan trọng và thể mạnh đối với hoạt động giáo dục hướng nghiệp có nhận thức đúng đắn và có đủ kiến thức, kỹ năng thực hiện giáo dục hướng nghiệp hay kiêm nhiệm giáo dục hướng nghiệp. Các trường phổ thông thiết lập quan hệ với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động nói chung và động viên sự tham gia của cha mẹ HS để hoạt động giáo dục hướng nghiệp được thực hiện đa dạng, thiết thực và có hiệu quả.

## **2.6 Giáo dục STEM**

### ***2.6.1 Khái quát về giáo dục STEM***

STEM là thuật ngữ viết tắt của các từ Science (Khoa học), Technology (Công nghệ), Engineering (Kỹ thuật) và Mathematics (Toán học). Với những góc nhìn khác nhau,



giáo dục STEM sẽ được thúc đẩy theo những cách khác nhau. Lãnh đạo và quản lý thì quan tâm tới đề xuất các chính sách để thúc đẩy giáo dục STEM, quan tâm tới chuẩn bị nguồn nhân lực cho các ngành nghề STEM theo nghĩa hướng nghiệp, phân luồng. Người làm chương trình quán triệt giáo dục STEM theo cách quan tâm tới vai trò, vị trí, sự phối hợp giữa các môn học STEM trong chương trình. Giáo viên, người trực tiếp đứng lớp sẽ thể hiện STEM thông qua việc xác định các chủ đề liên môn, thể hiện nó trong mỗi tiết dạy, mỗi hoạt động dạy học để kết nối kiến thức học đường với thế giới thực, giải quyết các vấn đề thực tiễn, để nâng cao hứng thú, để hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh.

Nhìn chung, khi đề cập tới STEM, giáo dục STEM, cần nhận thức và hành động theo cả hai cách hiểu sau đây:

Một là, TƯ TƯỞNG (chiến lược, định hướng) giáo dục, bên cạnh định hướng giáo dục toàn diện, THỨC ĐẨY giáo dục 4 lĩnh vực: Toán học, Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật, Công nghệ với mục tiêu “định hướng và chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các ngành nghề liên quan tới các lĩnh vực STEM, nhờ đó, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế”;

Hai là, phương pháp TIẾP CẬN LIÊN MÔN (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán) trong dạy học với mục tiêu: (1) nâng cao hứng thú học tập các môn học STEM; (2) vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn; (3) kết nối trường học và cộng đồng; (4) định hướng hành động, trải nghiệm trong học tập; (5) hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất người học.

### **2.6.2 Giáo dục STEM trong Chương trình GDPT 2018**

Ngày 4/5/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chỉ thị của Thủ tướng đề ra những giải pháp và nhiệm vụ thúc đẩy giáo dục STEM tại Việt Nam, mà một trong các giải pháp đó là: *“Thay đổi mạnh mẽ các chính sách, nội dung, phương pháp giáo dục và dạy nghề nhằm tạo ra nguồn nhân lực có khả năng tiếp nhận các xu thế công nghệ sản xuất mới, trong đó cần tập trung vào thúc đẩy đào tạo về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM), ngoại ngữ, tin học trong Chương trình GDPT”*. Chỉ thị cũng giao nhiệm vụ cho Bộ GDĐT *“thúc đẩy triển khai giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) trong Chương trình GDPT; tổ chức thi điểm tại một số trường phổ thông ngay từ năm học 2017 - 2018...”*. Với việc ban hành Chỉ thị trên, Việt Nam chính thức ban hành chính sách thúc đẩy giáo dục STEM trong Chương trình GDPT.

Điều này cho thấy tầm quan trọng của giáo dục STEM ở phổ thông. Trong Chương trình GDPT 2018, giáo dục STEM vừa mang nghĩa thúc đẩy giáo dục các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, và toán học vừa thể hiện phương pháp tiếp cận liên môn, phát triển năng lực và phẩm chất người học. Cụ thể là :

+ Chương trình GDPT 2018 có đầy đủ các môn học STEM. Đó là các môn Toán học, khoa học tự nhiên, công nghệ, tin học.

+ Việc hình thành nhóm môn Công nghệ và Nghệ thuật Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp cùng với quy định chọn 5 môn học trong 3 nhóm sẽ đảm bảo mọi học sinh đều được học các môn học STEM.

+ Vị trí, vai trò của môn Công nghệ và môn Tin học trong Chương trình GDPT mới đã được nâng cao rõ rệt. Điều này không chỉ thể hiện rõ tư tưởng giáo dục STEM mà còn là sự điều chỉnh kịp thời của giáo dục phổ thông trước cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

+ Có các chủ đề STEM trong chương trình môn học tích hợp ở giai đoạn giáo dục cơ bản như các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Tin học và Công nghệ (ở tiểu học), môn Khoa học tự nhiên (ở trung học cơ sở).

+ Các chuyên đề học tập về STEM, nghề nghiệp STEM ở lớp 10, 11, 12 trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán; các hoạt động trải nghiệm dưới hình thức câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, trong đó có các hoạt động nghiên cứu STEM.

+ Tính mở của Chương trình GDPT 2018 cho phép một số nội dung giáo dục STEM có thể được xây dựng thông qua chương trình địa phương, kế hoạch giáo dục nhà trường; qua những chương trình, hoạt động STEM được triển khai, tổ chức thông qua hoạt động xã hội hóa giáo dục.

+ Định hướng đổi mới phương pháp dạy nêu trong Chương trình GDPT tổng thể phù hợp với giáo dục STEM ở cấp độ dạy học tích hợp theo chủ đề liên môn, vận dụng kiến thức liên môn giải quyết các vấn đề thực tiễn.

### **2.6.3 Giáo dục STEM trong một số các môn học**

+ *Giáo dục STEM trong môn Khoa học (Ví dụ cho Hóa)*

Các kiến thức trong Hóa học đều có mối quan hệ hữu cơ với các môn học khác như Toán học, Vật lý, Sinh học. Ví dụ: Cấu tạo nguyên tử, phương trình hóa học, điều chế, thu khí, tính chất vật lý của các chất... có mối quan hệ đến kiến thức Toán học, Vật lý; Các kiến thức về quang hợp, axit lipit, glucit, protein... gắn liền với kiến thức sinh học. Do đó, việc dạy học Hóa học bằng phương thức giáo dục tích hợp theo cách tiếp cận liên môn là

cần thiết. Bên cạnh đó, các kiến thức về phân bón hóa học, ứng dụng của các chất... đều gắn kết với công nghệ; các bài học có tích hợp giáo dục môi trường như chống ô nhiễm môi trường nước, hiệu ứng nhà kính, mưa axit, dầu mỏ, nhiên liệu... đều liên quan đến việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, đến lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Thông qua mô hình STEM, HS được học Hóa học trong một chỉnh thể có tích hợp với toán học, công nghệ, kỹ thuật và các môn khoa học khác; không những thế HS còn được trải nghiệm, được tương tác với xã hội, với các doanh nghiệp. Từ đó kích thích được sự hứng thú, tự tin, chủ động trong học tập của HS; hình thành và phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù học tập; tạo ra sản phẩm giáo dục đáp ứng với nhu cầu nguồn nhân lực hiện đại.

#### *+ Giáo dục STEM trong môn Công nghệ*

Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, môn Công nghệ phản ánh hai thành phần là T (technology) và E (engineering) trong bốn thành phần của STEM. Vì vậy, môn Công nghệ có vai trò chủ đạo thể hiện tư tưởng giáo dục STEM trong chương trình giáo dục phổ thông mới.

Sản phẩm, quá trình công nghệ môn học đề cập luôn mang tính tích hợp, gắn với thực tiễn, liên hệ chặt chẽ với Toán học và Khoa học. Đặc điểm này là cơ sở để tăng cường giáo dục STEM ngay trong dạy học môn Công nghệ dựa vào các hoạt động thiết kế kỹ thuật, hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

Có sự tương đồng về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học giữa dạy học công nghệ và giáo dục STEM. Đó là chú trọng vào hoạt động, thực hành, trải nghiệm và định hướng sản phẩm. Đây cũng là cơ sở để triển khai dạy học nhiều nội dung công nghệ tiếp cận STEM.

Giáo dục STEM trong môn Công nghệ được thực hiện thông qua dạy học các chủ đề, mạch nội dung, chuyên đề học tập từ tiểu học tới trung học như mô hình điện gió, mô hình điện mặt trời, ngôi nhà thông minh, các bài toán thiết kế kỹ thuật và công nghệ, nghề nghiệp STEM; các dự án nghiên cứu thuộc các lĩnh vực kỹ thuật cơ khí, hệ thống nhúng, robot và máy thông minh. Khi triển khai chương trình, giáo dục STEM trong dạy học môn Công nghệ sẽ tiếp tục được mở rộng thông qua dạy học các chủ đề liên môn giữa các môn học STEM.

#### *+ Giáo dục STEM trong môn Toán*

Môn Toán phản ánh thành phần M (mathematics) của STEM. Vì vậy, môn Toán có nhiều cơ hội thể hiện tư tưởng giáo dục STEM trong Chương trình GDPT 2018.

Môn Toán là môn học công cụ, phục vụ trong việc dạy học các môn học khác như Vật lí, Hoá học, Sinh vật, Địa lí... Các kiến thức toán học được khai thác, được sử dụng nhiều trong các môn học khác. Những khai thác có tính đa môn, tích hợp như vậy vừa mang lại hiệu quả với các bộ môn vừa góp phần củng cố kiến thức môn Toán, đồng thời góp phần rèn luyện cho học sinh năng lực vận dụng toán học vào thực tiễn.

Ví dụ: Khái niệm trọng tâm của tam giác được đề cập đến trong chương trình lớp 7 (sau khi học sinh được học tính chất đồng quy của ba đường trung tuyến trong một tam giác). Khái niệm véc tơ được giới thiệu ở chương trình lớp 10 và cũng ở đó học sinh được biết tính chất tổng ba véc tơ xuất phát từ trọng tâm của tam giác đến ba đỉnh của tam giác đó là bằng véc tơ không. Khái niệm lực (và véc tơ lực) được giới thiệu trong chương trình Vật lý ở THCS. Những khai thác có tính đa môn, tích hợp giữa giáo dục Toán học và giáo dục Vật lý sẽ giải quyết được đồng thời ba vấn đề sau:

- Góp phần củng cố kiến thức môn Toán, giúp học sinh hiểu được ý nghĩa thực tiễn (thông qua giáo dục Vật lý) của khái niệm trọng tâm của một hệ điểm - một khái niệm khó đối với học sinh nếu chỉ tiếp cận thuần túy Toán học.
- Góp phần hiểu rõ và củng cố kiến thức Vật lý. Thay vì những phép tổng hợp lực phức tạp, học sinh có thể vận dụng kiến thức Toán học để hiểu các kiến thức về Vật lý.
- Góp phần rèn luyện cho học sinh năng lực vận dụng Toán học vào thực tiễn, đặc biệt vận dụng tổng hợp cả kiến thức về Toán học và Vật lý vào việc giải quyết những vấn đề trong thực tiễn.

#### + *Giáo dục STEM trong môn Tin học*

Khoa học máy tính yêu cầu và có liên quan rất nhiều đến sự hiểu biết, ứng dụng, đánh giá các công nghệ của nhiều chuyên ngành khác nhau. Có thể nói tư duy máy tính, các nguyên tắc cơ bản của tính toán, các cơ sở lý thuyết giải quyết vấn đề dựa trên máy tính là chìa khóa dẫn đến thành công của các nhánh khoa học khác như kỹ nghệ, kinh doanh và thương mại trong thế kỷ 21.

Trong giáo dục phổ thông, Tin học là môn học có nhiều cơ hội thể hiện tư tưởng giáo dục STEM. Môn học này có nhiều điểm chung nhất với đồng thời tất cả các thành phần của STEM là S (Science), T (Technology), E (Engineering), M (Mathematics). Cụ thể là:

- Hướng kiến thức này dựa trên một hệ thống cơ sở lý luận toán học chặt chẽ, logic và khoa học.

- Trọng tâm của Khoa học máy tính là "tư duy máy tính" lấy cơ sở lý luận hàn lâm làm nền tảng kết hợp thực nghiệm và đánh giá, đo đạc số liệu một cách khoa học.
- Lỗi của Khoa học máy tính là phần kiến thức thiết kế, xây dựng, kiểm thử và đánh giá các lập trình, một kỹ năng đòi hỏi quá trình tiêu chuẩn kỹ thuật.

#### **2.6.4 Hình thức tổ chức giáo dục STEM**

##### *+ Dạy học các môn học thuộc lĩnh vực STEM*

Đây là hình thức tổ chức giáo dục STEM chủ yếu trong nhà trường. Theo cách này, các bài học, hoạt động giáo dục STEM được triển khai ngay trong quá trình dạy học các môn học STEM theo tiếp cận liên môn.

Các chủ đề, bài học, hoạt động STEM bám sát chương trình của các môn học thành phần. Hình thức giáo dục STEM này không làm phát sinh thêm thời gian học tập.

##### *+ Hoạt động trải nghiệm STEM*

Trong hoạt động trải nghiệm STEM, học sinh được khám phá các thí nghiệm, ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong thực tiễn đời sống. Qua đó, nhận biết được ý nghĩa của khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học đối với đời sống con người, nâng cao hứng thú học tập các môn học STEM. Đây cũng là cách thức để thu hút sự quan tâm của xã hội tới giáo dục STEM.

Để tổ chức thành công các hoạt động trải nghiệm STEM, cần có sự tham gia, hợp tác của các bên liên quan như trường phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường đại học, doanh nghiệp.

Trải nghiệm STEM còn có thể được thực hiện thông qua sự hợp tác giữa trường phổ thông với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Theo cách này, sẽ kết hợp được thực tiễn phổ thông với ưu thế về cơ sở vật chất của giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

Các trường phổ thông có thể triển khai giáo dục STEM thông qua hình thức câu lạc bộ. Tham gia câu lạc bộ STEM, học sinh được học tập nâng cao trình độ, triển khai các dự án nghiên cứu, tìm hiểu các ngành nghề thuộc lĩnh vực STEM. Đây là hoạt động theo sở thích, năng khiếu của học sinh, diễn ra định kỳ, trong cả năm học.

Tổ chức tốt hoạt động câu lạc bộ STEM cũng là tiền đề triển khai các dự án nghiên cứu trong khuôn khổ cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học. Bên cạnh đó, tham gia câu lạc bộ STEM còn là cơ hội để học sinh thấy được sự phù hợp về năng lực, sở thích, giá trị của bản thân với nghề nghiệp thuộc các lĩnh vực STEM.

+ *Hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật*

Giáo dục STEM có thể được triển khai thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học và tổ chức các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật với nhiều chủ đề khác nhau thuộc các lĩnh vực cơ khí, kỹ thuật điện, hệ thống nhúng, robot và máy thông minh, năng lượng tái tạo, môi trường, biến đổi khí hậu, nông nghiệp công nghệ cao...

Hoạt động này không mang tính đại trà mà dành cho những học sinh có năng lực, sở thích và hứng thú với các hoạt động tìm tòi, khám phá khoa học, kỹ thuật giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Tổ chức tốt hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật là tiền đề triển khai các dự án nghiên cứu trong khuôn khổ cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học được tổ chức thường niên.

### **2.6.5 Điều kiện triển khai giáo dục STEM**

Nhà trường cần đảm bảo có sự quan tâm đầy đủ và toàn diện tới lĩnh vực giáo dục khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán, tin học. Sự coi nhẹ một trong các lĩnh vực trên, giáo dục STEM ở phổ thông sẽ không đạt được hiệu quả.

Cần có sự hiểu biết đầy đủ, toàn diện và thống nhất về nhận thức về giáo dục STEM. Kết nối hoạt động giáo dục STEM với các hoạt động dạy học, giáo dục đang triển khai tại các cơ sở giáo dục phổ thông đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả khi triển khai.

Cần quan tâm bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các môn học STEM, đặc biệt là đội ngũ giáo viên Công nghệ và Tin học. Với các giáo viên dạy các môn STEM không đúng chuyên môn, cần phải được bồi dưỡng chuẩn hóa khi triển khai Chương trình GDPT 2018.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục STEM, trong đó, quan tâm triển khai hệ thống các không gian trải nghiệm khoa học công nghệ giúp học sinh trải nghiệm và hiện thực hóa các ý tưởng sáng tạo.

Kết nối với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, các trung tâm nghiên cứu, các cơ sở sản xuất để khai thác nguồn lực về con người, cơ sở vật chất hỗ trợ các hoạt động giáo dục STEM.

## **3. TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH**

### **3.1. Thực hiện yêu cầu phát triển năng lực cho học sinh**

Mục tiêu của Chương trình GDPT 2018 là phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực cho học sinh. Chương trình đã xác định các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi cần hình thành, phát triển ở học sinh; yêu cầu cần đạt về những phẩm chất, năng lực ấy đối với

học sinh mỗi lớp học, cấp học; giải pháp chung về nội dung giáo dục, kế hoạch giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục để đạt được những yêu cầu nói trên.

Tuy nhiên, việc thể hiện các quy định của chương trình thành sách giáo khoa (SGK) và thực hiện chương trình, SGK trong các hoạt động dạy, học, chỉ đạo, quản lý vẫn là một thách thức đối với người viết SGK, cán bộ quản lý, chỉ đạo, giáo viên và học sinh.

Bản chất của thách thức này nằm ở chỗ nhận thức và xử lý đúng mối quan hệ giữa kiến thức với năng lực, hay nói rộng hơn là giữa cấu trúc đầu vào với cấu trúc đầu ra của năng lực. Phần lớn các nhà tâm lý học, giáo dục học đều cho rằng năng lực được cấu thành từ kiến thức, kỹ năng và thái độ. Nhận thức này sẽ đầy đủ hơn và có giá trị chỉ đạo các hoạt động dạy và học theo định hướng phù hợp với yêu cầu hình thành, phát triển năng lực, nêu quan niệm kiến thức, kỹ năng, thái độ chỉ là những yếu tố ở đầu vào của quá trình hình thành, phát triển năng lực. Các yếu tố này phải được chọn lọc, tổ chức tiếp nhận hợp lý mới trở thành năng lực hiểu, năng lực làm và năng lực ứng xử ở đầu ra.<sup>8</sup>

### 3.2. Thực hiện dạy học tích hợp

Chương trình GDPT 2018 thực hiện dạy học tích hợp theo ba định hướng sau:

a) Tích hợp nội môn: tích hợp giữa các mảng kiến thức khác nhau trong cùng một môn học, tích hợp giữa yêu cầu trang bị kiến thức với việc rèn luyện kỹ năng.

b) Tích hợp liên môn: tích hợp kiến thức của các môn học, khoa học có liên quan với nhau; ở mức thấp là liên hệ kiến thức được dạy với những kiến thức có liên quan trong dạy học; ở mức cao là xây dựng các môn học tích hợp.

c) Tích hợp xuyên môn: tích hợp một số chủ đề quan trọng vào nội dung chương trình nhiều môn học, ví dụ, các chủ đề về chủ quyền quốc gia, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, giáo dục giới tính, giáo dục tài chính,...

Trong việc triển khai ba định hướng trên, thách thức đáng kể nhất là dạy các môn học tích hợp Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí ở cấp trung học cơ sở (THCS).

Thực hiện Quyết định 404 của Thủ tướng Chính phủ: “Ở các lớp học, cấp học dưới, thực hiện lồng ghép, kết hợp những nội dung liên quan với nhau ở **mức độ hợp lý** để tạo

---

<sup>8</sup> Hoàng Hòa Bình, *Năng lực và cấu trúc của năng lực*, trong *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 117, 2015, tr. 5.

thành các môn học tích hợp”<sup>9</sup>, những người biên soạn Chương trình GDPT mới của Việt Nam đã lựa chọn phương án tích hợp phù hợp để phát huy hiệu quả của dạy học tích hợp, đồng thời bảo đảm kiến thức cốt lõi của mỗi ngành khoa học và phù hợp với điều kiện thực tế trong bước đầu thực hiện dạy học tích hợp ở nước ta.

Chương trình môn Khoa học tự nhiên được thiết kế thành 4 mạch chủ đề chung: Chất và sự biến đổi của chất, Vật sống, Năng lượng và sự biến đổi, Trái Đất và bầu trời. Mỗi chủ đề nói trên vận dụng kiến thức của một ngành khoa học, tạo điều kiện cho giáo viên vốn được đào tạo đơn môn ở trường sư phạm có thể thực hiện chương trình. Bên cạnh đó, chương trình còn có một số chủ đề đòi hỏi tính tích hợp cao như biến đổi khí hậu, giáo dục sức khỏe, giáo dục STEM, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững,...

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí gồm hai phân môn Lịch sử, Địa lí; nội dung của mỗi phân môn vừa bảo đảm tính độc lập tương đối vừa góp phần soi sáng, hỗ trợ cho nhau. Bên cạnh đó, chương trình còn tạo cơ hội cho học sinh tìm hiểu một số chủ đề đòi hỏi tính tích hợp cao như: Các cuộc đại phát kiến địa lí, Đô thị - Lịch sử và hiện tại, Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long, Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam trên Biển Đông.

Với phương thức và mức độ tích hợp của chương trình các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí ở cấp THCS, các tổ chuyên môn có thể phân công giáo viên dạy mạch chủ đề phù hợp với chuyên môn của mình trên cơ sở bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các giáo viên trong việc dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh. Đây là giải pháp mà các nước phát triển như Anh, Hoa Kỳ vẫn thực hiện lâu nay.

Bên cạnh đó, những giáo viên có điều kiện và nguyện vọng có thể theo học chương trình bồi dưỡng ở trường sư phạm, bổ sung kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để tiến tới đảm nhiệm được việc dạy toàn bộ môn học. Chương trình bồi dưỡng được tổ chức theo hình thức tích lũy tín chỉ nên giáo viên có thể sắp xếp thời gian học lí để theo học và hoàn thành chương trình.

### **3.3. Thực hiện dạy học phân hoá**

Chương trình GDPT 2018 thực hiện dạy học phân hoá theo 2 định hướng sau:

a) Phân hoá trong (phân hoá vi mô): thể hiện chủ yếu qua định hướng về phương pháp giáo dục, nhấn mạnh tính tích cực hoá hoạt động của người học, khuyến khích học

---

<sup>9</sup> Quyết định số 404/2015/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông



sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, và qua định hướng về đánh giá kết quả giáo dục, nhấn mạnh bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh.

b) Phân hoá ngoài (phân hoá vi mô): thể hiện ở các môn học tự chọn, các chủ đề, chuyên đề học tập lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp.

Yêu cầu phân hoá trong đòi hỏi phải giảm sĩ số trong một lớp học để giáo viên đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá phù hợp với các đối tượng học sinh khác nhau, từ đó có biện pháp hỗ trợ phù hợp với từng học sinh.

Yêu cầu phân hoá ngoài đòi hỏi nhà trường phải tăng số phòng học để sắp xếp lớp học một cách linh hoạt cho các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập.

Cả hai yêu cầu phân hoá đều đòi hỏi tăng số lượng giáo viên. Việc bổ sung môn Nghệ thuật vào chương trình cấp THPT nhằm thực hiện yêu cầu giáo dục “hài hòa đức, trí, thể, mỹ” của Nghị quyết 29<sup>10</sup>, Nghị quyết 88<sup>11</sup> và đáp ứng nhu cầu học tập của những học sinh có định hướng theo đuổi các ngành âm nhạc, mỹ thuật, kiến trúc, sân khấu, điện ảnh, lí luận - phê bình nghệ thuật,... cũng đòi hỏi bổ sung giáo viên âm nhạc, mỹ thuật.

Đó là những khó khăn không nhỏ trong việc thực hiện chương trình. Để giải quyết khó khăn này, Chương trình GDPT 2018 đã quy định: “Các trường có thể xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường. Đối với những môn học và chuyên đề học tập mà trường học sinh đang theo học không có điều kiện tổ chức dạy, học sinh có thể đăng kí học ở một cơ sở giáo dục khác.”<sup>12</sup>.

Ngày 18/6/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg trong đó giao trách nhiệm cho Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp hành động đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách

---

<sup>10</sup> Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

<sup>11</sup> Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

<sup>12</sup> Chương trình giáo dục phổ thông. Chương trình tổng thể.

giáo khoa giáo dục phổ thông. Chỉ thị yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu giáo viên ở từng môn học, lớp học, cấp học; chủ động xây dựng kế hoạch sắp xếp, bổ sung đội ngũ và phối hợp với các cơ sở đào tạo giáo viên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới;
- Điều chỉnh, sắp xếp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới;
- Bố trí ngân sách địa phương, lồng ghép có hiệu quả và sử dụng đúng mục đích nguồn vốn từ các chương trình, đề án, dự án; huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Việc thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ là giải pháp để thực hiện thành công Chương trình GDPT 2018.

### **3.4. Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày ở cấp tiểu học**

Chương trình GDPT 2018 quy định: Cấp tiểu học “thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học. Cơ sở giáo dục tiểu học chưa đủ điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày thực hiện kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.”<sup>13</sup>.

Mục tiêu của hoạt động dạy học 2 buổi/ngày là tăng cường giáo dục toàn diện, đặc biệt là tăng cường các hoạt động thực hành, rèn luyện thân thể, sinh hoạt văn hoá - nghệ thuật, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; hạn chế tình trạng dạy thêm, học thêm; đáp ứng yêu cầu quản lý và giáo dục học sinh của gia đình và xã hội; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Theo thống kê của Bộ GDĐT, hiện có trên 80% số học sinh trong cả nước đang được học 2 buổi/ngày. Nguyên nhân một số địa phương chưa tổ chức được cho học sinh học 2 buổi/ngày là khó khăn về quỹ đất, kinh phí và điều kiện sống của người dân. Để thực hiện được quy định của chương trình mới, bảo đảm cho con em địa phương không thiệt thòi so với học sinh những nơi khác, các địa phương có thể chọn một trong các giải pháp sau:

---

<sup>13</sup> Chương trình giáo dục phổ thông. Chương trình tổng thể.

1. Cân đối quỹ đất, kinh phí để mỗi năm thực hiện dứt điểm việc dạy học 2 buổi/ngày ở một lớp học theo lộ trình đổi mới chương trình, SGK phổ thông như quy định tại Nghị quyết 51 của Quốc hội: năm học 2020 – 2021 ở lớp 1; năm học 2021 – 2022 ở lớp 2; năm học 2022 – 2023 ở lớp 3; năm học 2023 – 2024 ở lớp 4; năm học 2024 – 2025 ở lớp 5.<sup>14</sup>

2. Bố trí thêm buổi học thứ 6 trong tuần để bảo đảm hoàn thành chương trình các môn học và HĐGD bắt buộc; không dạy các môn học tự chọn (Tiếng dân tộc thiểu số; Ngoại ngữ 1 ở lớp 1, lớp 2).

Các trường đủ điều kiện dạy học 2 buổi/ngày cần có kế hoạch sử dụng thời gian ngoài thời gian dành cho chương trình các môn học, HĐGD bắt buộc một cách hợp lý để dạy các môn học tự chọn cho học sinh có nguyện vọng học; bồi dưỡng học sinh giỏi, hướng dẫn những học sinh chưa đáp ứng các yêu cầu cần đạt; tăng cường các hoạt động thực hành, rèn luyện thân thể, sinh hoạt văn hoá - nghệ thuật, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

### **3.5. Thực hiện một chương trình, nhiều sách giáo khoa**

Nghị quyết số 88 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông quy định: “Thực hiện xã hội hoá biên soạn sách giáo khoa; có một số sách giáo khoa cho mỗi môn học. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chí đánh giá sách giáo khoa và phê duyệt sách giáo khoa được phép sử dụng trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa; hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông [...] Các cơ sở giáo dục phổ thông lựa chọn sách giáo khoa để sử dụng dựa trên ý kiến của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

Chủ trương “một chương trình, nhiều SGK” phù hợp với xu hướng của giáo dục thế giới; phát huy trí tuệ và tài lực, vật lực của xã hội đóng góp cho giáo dục; tạo ra sự thi đua giữa các tổ chức, cá nhân làm SGK, góp phần nâng cao chất lượng SGK; đồng thời tạo điều kiện để cơ sở giáo dục lựa chọn được SGK phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của mình.

---

<sup>14</sup> Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Tuy nhiên, trong việc thực hiện chủ trương này cũng cần lường trước những khó khăn sau đây để có giải pháp khắc phục:

a) Vấn đề cạnh tranh không lành mạnh

Bên cạnh các yếu tố tích cực, việc nhiều tổ chức, cá nhân tham gia biên soạn, xuất bản và kinh doanh SGK có thể dẫn tới những cạnh tranh không lành mạnh, như: sử dụng mức chiết khấu, sử dụng quan hệ cá nhân để chiếm thị phần; sử dụng mạng xã hội và báo chí để đưa những thông tin bất lợi nhằm hạn chế khả năng phổ biến SGK của tổ chức, cá nhân khác,...

Bộ GDĐT sẽ có văn bản hướng dẫn và sẽ theo dõi việc các cơ sở GDPT lựa chọn SGK theo đúng quy định của Nghị quyết của Quốc hội.

Thực hiện quyền và trách nhiệm của mình, các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể, các vị đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, các cơ quan báo chí và các tầng lớp nhân dân cũng sẽ tham gia giám sát, kịp thời phát hiện vi phạm để xử lý.

Để tránh bị lợi dụng phục vụ mục đích cạnh tranh không lành mạnh, gây tâm lý hoang mang trong xã hội, các cơ quan báo chí cần thận trọng trong việc tiếp nhận, đăng tải các ý kiến về SGK. Khi nhận được ý kiến góp ý, phê bình, các cơ quan báo chí cần gửi cho các nhà xuất bản có SGK được góp ý, phê bình để tiếp thu, giải trình theo quy định của pháp luật.

Vấn đề thay đổi lựa chọn SGK Với chủ trương “Thực hiện xã hội hoá biên soạn SGK; có một số SGK cho mỗi môn học”, trong tương lai, hằng năm có thể xuất hiện những quyển SGK mới. Do rút được kinh nghiệm của SGK xuất bản trước đó, một số quyển SGK xuất bản sau hoặc một số nội dung trong các quyển SGK đó có thể tốt hơn, hình thức in ấn đẹp hơn, cách sử dụng thuận tiện hơn SGK xuất bản trước. Trong trường hợp đó, có thể các cơ sở giáo dục sẽ phải thay đổi hoặc bổ sung lựa chọn của mình.

Để học sinh không phải mua sách mới mà vẫn có sách mới hơn để học, trong lúc kinh phí từ ngân sách nhà nước không đủ để mua SGK cho học sinh sử dụng tại lớp học như ở các nước phát triển, Bộ GDĐT sẽ chỉ đạo các cơ sở giáo dục vận động phụ huynh học sinh tặng lại SGK đã sử dụng để xây dựng tủ SGK cho các lớp. Sau từ 3 đến 5 năm, chắc chắn mỗi lớp sẽ có một tủ SGK để học sinh sử dụng. Như vậy thì học sinh mới thật sự được sử dụng nhiều SGK cho một môn học, đồng thời cũng không phải đem sách đi học hằng ngày.

c) Vấn đề chỉ đạo dạy học và đánh giá kết quả học tập

Do các cơ sở giáo dục được quyền lựa chọn SGK, trên cùng một địa bàn (quận, huyện, thị xã hoặc tỉnh, thành phố) có thể có nhiều SGK khác nhau được sử dụng. Công tác chỉ đạo dạy học và đánh giá kết quả học tập sẽ dựa trên yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực (chuẩn đầu ra) quy định trong Chương trình GDPT, chứ không dựa trên một quyển SGK cụ thể như trong Chương trình GDPT hiện hành. Bộ GDĐT sẽ tổ chức tập huấn và hướng dẫn, chỉ đạo để thực hiện được yêu cầu này.

### **3.6. Động lực đổi mới của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục**

Giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là những người trực tiếp thực hiện công cuộc đổi mới GDPT. Chương trình GDPT 2018 chỉ thành công khi đội ngũ này có động lực đổi mới. Để tạo ra động lực cho đội ngũ trong khi Nhà nước chưa có đủ điều kiện để thay đổi chính sách đãi ngộ, nâng cao thu nhập cho anh chị em, trước hết, cần trao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục, quyền quyết định về nội dung, phương pháp giáo dục cho giáo viên và bảo đảm điều kiện làm việc cho cơ sở giáo dục, giáo viên.

Cơ sở giáo dục cần sớm được trao quyền tự chủ về chuyên môn, nhân sự, tổ chức bộ máy và tài chính như quy định tại Điều 58 Luật Giáo dục hiện hành.<sup>15</sup> Giáo viên cần được chủ động, sáng tạo trong dạy học, không phải bám theo từng ý, từng chữ trong SGK như cách chỉ đạo phổ biến hiện nay. Sĩ số các lớp học ít nhất phải bảo đảm quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: tối đa 35 học sinh/lớp ở cấp tiểu học và 45 học sinh /lớp ở các cấp THCS, THPT.

Trong điều kiện ngân sách nhà nước eo hẹp, cần giảm đầu tư từ ngân sách, huy động sự đóng góp của người học, khắc phục tình trạng duy trì mức học phí hình thức ở các cấp học, trình độ đào tạo không bắt buộc để tập trung đầu tư cho các cấp học phổ cập.

---

<sup>15</sup> “Nhà trường có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục; xác nhận hoặc cấp văn bằng, chứng chỉ theo thẩm quyền;
2. Tuyển dụng, quản lý nhà giáo, cán bộ, nhân viên; tham gia vào quá trình điều động của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với nhà giáo, cán bộ, nhân viên;
3. Tuyển sinh và quản lý người học;
4. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật;
5. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá;
6. Phối hợp với gia đình người học, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục;
7. Tổ chức cho nhà giáo, cán bộ, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội;
8. Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục;
9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.”

Nhà nước cũng cần bổ sung các chính sách khuyến khích phát triển giáo dục ngoài công lập để vừa san sẻ gánh nặng cho ngân sách nhà nước và các trường công lập, vừa tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục.

### **3.7. Động cơ và phương pháp học tập của học sinh**

Học sinh Việt Nam thông minh, hiếu học nhưng có nhược điểm chung là chưa xác định được rõ mục tiêu học tập, do đó thường chạy theo điểm số và đối phó trong học tập, thi cử. Điều này có phần trách nhiệm quan trọng của người lớn, khi chúng ta thường chỉ xác định cho con em mình những mục tiêu xa, có phần trừu tượng.

Học sinh cần được hiểu học trước hết là để có nghề nghiệp và tìm được việc làm có thu nhập cao, nuôi sống được bản thân và gia đình tương lai; chính vì vậy, phải nỗ lực học tập để đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp, của đời sống, không chạy theo và thỏa mãn với điểm số cao trong kiểm tra, thi cử.

Để giúp HS xác định đúng mục tiêu học tập, có động cơ và phương pháp học tập đúng đắn, bên cạnh việc giáo dục nhận thức cho các em ở gia đình và nhà trường, giáo viên cần đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hoá các hình thức tổ chức học tập, tạo hứng thú học tập và rèn luyện cho các em.

Mục tiêu, cách thức đánh giá kết quả học tập cũng cần được đổi mới để khuyến khích nền nếp thực học, thực nghiệp, tránh gây áp lực lên học sinh. Cần nghiên cứu để giao việc đánh giá, cấp bằng tốt nghiệp THPT cho các trường THPT; bảo đảm quyền và trách nhiệm tổ chức tuyển sinh cho các trường chuyên nghiệp, đại học.

### **3.8. Sự đồng thuận của xã hội**

Thách thức lớn nhất đối với đổi mới giáo dục hiện nay là sự đồng thuận của xã hội. Niềm tin của người dân giảm sút nghiêm trọng trước những hiện tượng tiêu cực trong ngành và một số thử nghiệm đổi mới ít thành công. Nhiều người dường như phủ nhận mọi nỗ lực, thành tựu của giáo dục, thổi phồng khuyết điểm của ngành hoặc khái quát một số hiện tượng cá biệt thành bản chất và dị ứng với mọi giải pháp đổi mới. Dư luận càng phân tán khi có nhiều ý kiến phê bình, góp ý chỉ dựa vào những kinh nghiệm thời đi học của người phê bình, góp ý hoặc sự quan sát thiếu hệ thống về giáo dục nước ngoài.

Dân ta đã có câu “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Để thực hiện đổi mới thành công, ngành Giáo dục cần tuyên truyền, giải thích để người dân hiểu rõ vì sao phải đổi mới, đổi mới như thế nào và trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân đóng góp vào sự nghiệp đổi mới giáo dục, cũng là đóng góp vào sự ổn định

xã hội và phát triển của đất nước ra sao. Cùng với sự chủ động của ngành giáo dục, rất cần có sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và sự ủng hộ rộng rãi, hiệu quả của báo chí.

Tuy nhiên, mọi sự tuyên truyền, giải thích, vận động chỉ có hiệu quả khi ngành giáo dục xây dựng được một chương trình GDPT 2018 có sức hấp dẫn, thuyết phục và thực hiện thành công ngay từ những năm đầu triển khai chương trình này.

### **3.9. Về cơ sở vật chất**

Việt Nam tiến hành đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong lúc điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học chưa thể có những thay đổi căn bản. Nghị quyết 88 yêu cầu: “Chương trình giáo dục phổ thông phải phù hợp với điều kiện thực tiễn về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, kỹ thuật của nhà trường và khả năng tiếp thu của học sinh”

Thực hiện Nghị quyết 88, Chương trình GDPT 2018 đã được xây dựng phù hợp với điều kiện thực hiện chương trình. Tuy nhiên, có một số yêu cầu mà nếu không bảo đảm được thì chương trình rất khó thực hiện, đó là:

- Các trường phổ thông phải bảo đảm sĩ số lớp học theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Các trường tiểu học cần thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, tối thiểu cũng phải tổ chức dạy được 6 buổi/tuần.
- Lớp học nên được bố trí phù hợp với yêu cầu làm việc nhóm thường xuyên. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục cũng cần được trang bị máy tính, lắp đặt Internet để giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, học sinh tìm kiếm tư liệu và thực hiện một số thí nghiệm ảo thay cho thí nghiệm với các phương tiện đắt tiền hoặc không bảo đảm an toàn.

Những yêu cầu trên không phải là khó thực hiện, nếu có sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh eo hẹp về ngân sách, đất đai, các địa phương có thể thực hiện dần, dứt điểm đối với từng lớp học theo lộ trình áp dụng chương trình, SGK mới đã quy định tại Nghị quyết số 51 của Quốc hội.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4/1/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện GD và ĐT.
2. Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
3. CTGDPT (2018), ban hành theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Hướng dẫn dạy học theo Chương trình GDPT mới – những vấn đề chung (2018), Ban phát triển Chương trình GDPT, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5. Hướng dẫn dạy học theo Chương trình GDPT mới – các môn học và hoạt động giáo dục (2018), Ban phát triển Chương trình GDPT, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
6. Hỏi đáp về những vấn đề chung (2018), Ban phát triển Chương trình GDPT, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
7. Tài liệu truyền thông về Chương trình GDPT (2018), Ban phát triển Chương trình GDPT, Bộ Giáo dục và Đào tạo.